

Tạ Ơn Chúa!

Giving Thanks to The Lord!

Têsalônica 5:16-18

Têsalônica Thesalonians 5:16-18

*“hãy vui mừng mãi mãi, 17 cầu nguyện không thôi, 18 phàm làm việc gì cũng phải **TẠ ƠN CHÚA**; vì ý muốn của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ đối với anh em là như vậy.”*

Rejoice always, pray continually, give thanks in all circumstances; for this is God's will for you in Christ Jesus.

TẠ Ơ N
THANKS-GIVING

1. ƠN nào Chúa ban cho chúng ta?

What are the **givings** from God?

a) Món quà nào **quí giá nhất** mà ĐCT đã ban cho loài người, cho tôi và bạn?

What would be **the greatest gift** that God had given to mankind, to you and me?

Giăng 3:16 “*Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời.*”

John 3:16 “*For God so loved the world that he gave his one and only Son, that whoever believes in him shall not perish but have eternal life.*”

1. Ơn nào Chúa ban cho chúng ta?

What are the **givings** from God?

b) Những ơn khác Chúa ban cho trong **cuộc sống hằng ngày**

Other givings from God are **all daily benefits**



2) Nhận biết **ƠN**, làm sao Chúng ta bày tỏ được lòng **TẠ ƠN** Chúa? Recognizing all the **givings** from God, now the second part is how can we **express thanks-giving?**

a)... phải luôn có thái độ vui mừng trong sự thờ phượng Chúa.

an attitude of joy in worship

Luca 17 ... ““Có một người trong bọn họ thấy mình đã được sạch, trở lại, lớn tiếng khen ngợi Đức Chúa Trời; 16 lại đến **sấp mặt xuống đất**, nơi chân Đức Chúa Jêsus, mà tạ ơn Ngài. Và, người đó là người Sa-ma-ri.”

“One of them, when he saw he was healed, came back, praising God in a loud voice. 16 He threw himself at Jesus’ feet (worship) and thanked him—and he was a Samaritan.” Luke 17:15-16

2) Nhận biết **ƠN**, làm sao Chúng ta bày tỏ được lòng **TẠ ƠN** Chúa?

Recognizing all the **givings** from God, now the second part is how can we **express thanks-giving**?

*“Hỡi cả trái đất, Hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va! 2 Khá
hầu việc Đức Giê-hô-va cách vui mừng, Hãy hát xướng mà đến
trước mặt Ngài.” (Thi-thiên 100:1-2)*

*“Shout for joy to the Lord, all the earth. 2 Worship the Lord with
gladness; come before him with joyful songs.” (Psalms 100:1-2)*

2) Nhận biết **ƠN**, làm sao Chúng ta bày tỏ được lòng **TẠ ƠN** Chúa?
Recognizing all the **givings** from God, now the second part is how can we **express thanks-giving?**

b) qua những của lễ “đầu mùa” dâng cho Ngài
offering to Him our first gift

“Đất và muôn vật trên đất, thế gian và những kẻ ở trong đó, đều thuộc về Đức Giê-hô-va,” (Thi Thiên 24:1)

“The earth is the LORD’s, and everything in it, the world, and all who live in it;” (Psalm 24:1)

2) Nhận biết **ƠN**, làm sao Chúng ta bày tỏ được lòng **TẠ ƠN** Chúa?
Recognizing all the **givings** from God, now the second part is how can we **express thanks-giving?**

b) qua những của lễ “đầu mùa” dâng cho Ngài
offering to Him our first gift

chúng ta dâng của lễ đầu mùa là để bày tỏ Chúa là Chúa, và là Vua của đời sống mình.

We offer to Him our first gift to manifest God as Lord, and King of our lives

2) Nhận biết **ƠN**, làm sao Chúng ta bày tỏ được lòng **TẠ ƠN** Chúa?
Recognizing all the **givings** from God, now the second part is how can we **express thanks-giving?**

Của lễ dâng làm đẹp lòng Chúa nhất ấy chính là đời sống của mình cho Ngài
The best offering we can bring to worship God is ourselves

Rôma 12:1 – “*Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em **dâng** thân thể mình làm của **lễ sống** và **thánh**, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em.*”

“Therefore, I urge you, brothers and sisters, in view of God’s mercy, to offer your bodies as a living sacrifice, holy and pleasing to God—this is your true and proper worship.” (Romans 12:1)

2) Nhận biết **ƠN**, làm sao Chúng ta bày tỏ được lòng **TẠ ƠN** Chúa?
Recognizing all the **givings** from God, now the second part is how can we **express thanks-giving?**

c) qua sự tận hiến đời sống hầu việc Ngài... **through the life of service**

Chúa ở đâu để tôi có thể hầu việc Ngài?

I do not see Jesus then how can I serve Him?

Ma-thi-ơ 25 ... Chúa Giê-xu có kể một ẩn dụ để dạy dỗ khi chúng ta hầu việc anh chị em mình là lúc chúng ta cũng hầu việc Chúa vậy

Matthew 25 ... Jesus taught a very profounded parable to answer this question... When we serve others in Jesus' name, we serve Him.



Têsalônica Thesalonians 5:16-18

*“hãy vui mừng mãi mãi, 17 cầu nguyện không thôi, 18 phàm làm việc gì cũng phải **TẠ ƠN CHÚA**; vì ý muốn của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ đối với anh em là như vậy.”*

Rejoice always, pray continually, give thanks in all circumstances; for this is God's will for you in Christ Jesus.

TẠ Ơ N
THANKS-GIVING

Cầu Nguyện - Prayer

Xin cho chúng con nhận biết ơn Chúa và bày tỏ được lòng tạ ơn Ngài qua của lễ đầu mùa và qua đời sống hầu việc Ngài.
Trong Danh Chúa Giê-xu Christ, Amen!

May we recognize all the giving and express our thanksgiving through "first offering" and through a life of service.
In Jesus' Name, Amen!